Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7004.20.10

Mã HS	7004.20.10
Mô tả hàng hóa	Kính kéo và kính thổi, ở dạng tấm, đã hoặc chưa tráng lớp hấp thụ, lớp phản chiếu hoặc không phản chiếu, nhưng chưa gia công cách khác / - Kính, được phủ màu toàn bộ, mờ, sáng hoặc có tráng lớp hấp thụ, lớp phản chiếu hoặc không phản chiếu: / - - Kính quang học, chưa được gia công về mặt quang học
Đơn vị	m2/chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 14:23:14
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/70042010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10457
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10457
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10457
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-TH)	0% (trừ TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9934
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9885
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9885
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9885
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9885
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9885
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9885
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E9937
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9937
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9937
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9937

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9937
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9937
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9938
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9938
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9938
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9938
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9938
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9938
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9939
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9891
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F9897
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G9897
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H9897
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I9897
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J9897
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K9897
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9922
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9922
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9922
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9922
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9922
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9922
VCFTA	2022	2022	5	VC!D9969
VCFTA	2023	2023	5	VC!E9969
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9969
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9969

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9969
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9969
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9960
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9960
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9960
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9960
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9960
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9960
AHKFTA	2022	2022	3	AKH!D9960
AHKFTA	2023	2023	2	AKH!E9960
AHKFTA	2024	2024	2	AKH!F9960
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G9960
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H9960
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9960
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D9971
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E9971
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F9971
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9971
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9971
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9971
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D9970
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E9970
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F9970
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9970
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9970
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9970

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9917
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9917
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9917
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9917
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9917
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9917
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9917
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9954
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9954
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9954
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9954
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9954
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9954
RCEP B	2022	2022	0	B!D9954
RCEP B	2023	2023	0	B!E9954
RCEP B	2024	2024	0	B!F9954
RCEP B	2025	2025	0	B!G9954
RCEP B	2026	2026	0	B!H9954
RCEP B	2027	2027	0	B!I9954
RCEP C	2022	2022	0	C!D9954
RCEP C	2023	2023	0	C!E9954
RCEP C	2024	2024	0	C!F9954
RCEP C	2025	2025	0	C!G9954
RCEP C	2026	2026	0	C!H9954
RCEP C	2027	2027	0	C!I9954
RCEP D	2022	2022	0	D!D9953

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E9953
RCEP D	2024	2024	0	D!F9953
RCEP D	2025	2025	0	D!G9953
RCEP D	2026	2026	0	D!H9953
RCEP D	2027	2027	0	D!I9953
RCEP E	2022	2022	0	E!D9957
RCEP E	2023	2023	0	E!E9957
RCEP E	2024	2024	0	E!F9957
RCEP E	2025	2025	0	E!G9957
RCEP E	2026	2026	0	E!H9957
RCEP E	2027	2027	0	E!I9957
RCEP F	2022	2022	0	F!D9954
RCEP F	2023	2023	0	F!E9954
RCEP F	2024	2024	0	F!F9954
RCEP F	2025	2025	0	F!G9954
RCEP F	2026	2026	0	F!H9954
RCEP F	2027	2027	0	F!I9954
VIFTA	2024	2024	4,3	VI!F9204
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G9204
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H9204
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I9204

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 7004.20 có 3 dòng thuế; dòng 7004.20.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Kính quang học, chưa được gia công về mặt quang học.	7004.20.20 Loại khác, hình vuông hoặc hình chữ nhật, đã hoặc chưa cắt một hoặc nhiều góc (SEN); 7004.20.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7004.20.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 7004.20.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10457), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.